

ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc Ấn Độ, song không phải là sự "rập khuôn". Trên nền chung của kiến trúc Ấn Độ, mỗi dân tộc, mỗi khu vực, thậm chí mỗi di tích kiến trúc lại có những nét riêng độc đáo của mình. Khi nói tới những di tích kiến trúc nổi tiếng ở Đông Nam Á giai đoạn trước thế kỉ VIII không thể không nói tới khu di tích Mỹ Sơn của người Chăm và tổng thể kiến trúc Bôrôbuđua ở Indônêxia.

Từ thế kỉ X - XIII di tích kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng nhất ở Đông Nam Á là khu đền Ăngco Vát ở Campuchia. Ăngco Vát được xây dựng vào đầu thế kỉ XII. Cả khu đền rất rộng, riêng khu thiêng có kích thước 1500m x 1300m và được ngăn bằng hồ nước rộng 200m.

Ở Mianma, chỉ riêng khu di tích Pagan hiện nay người ta còn thấy hơn 5000 ngôi chùa lớn nhỏ nằm rải rác dọc theo hai bờ sông Iraođi.

Những pho tượng có niên đại khá sớm là những pho tượng Phật thuộc thời kì Phù Nam. Ở An Giang (Việt Nam) đã tìm thấy hai pho tượng Phật thuộc phong cách Amaravati là phong cách có niên đại khoảng thế kỉ II. Ở Phù Nam người ta còn tìm thấy 20 pho tượng Phật đứng theo phong cách Gupta (thế kỉ IV), trong đó hơn một nửa là bằng đá, còn lại là bằng gỗ được.

Đến cuối thiên niên kỉ I, nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á có phần chững lại. Từ đầu thiên niên kỉ II trở đi người ta lại chứng kiến một sự phát triển mới của loại hình nghệ thuật này với một tầm vóc, quy mô lớn hơn, chất lượng cao hơn, với những trung tâm kiến trúc và điêu khắc kì vĩ như khu đền Ăngco Vát ở Campuchia, Pagan ở Mianma, Xukhôthay, Ayuthaya ở Thái Lan, Thạt Luồng ở Lào v.v...

CHƯƠNG V – VĂN MINH KHU VỰC TRUNG – NAM MĨ

I – CÁC NỀN VĂN MINH TRUNG MĨ

1. Văn minh Olmec (khoảng 1500 TCN – 300 SCN)

a) Hoàn cảnh lịch sử

Nền Văn minh Olmec được thiết lập với sự phát triển ủa người Olmec trong thời kì tiền sơ khai (khoảng từ 1500 TCN đến năm 300) ở miền duyên hải vịnh Mexico.

Tên gọi Olmec tương ứng với tên của một làng ở Trung Mĩ tồn tại trong khoảng thiên niên kỷ I TCN. Đây được xem là một trong những nền văn minh đầu tiên hình thành sớm nhất ở Châu Mĩ.

Về mặt nhân chủng, người Olmec có thân hình thấp và chắc nịch, hơi mập, đầu tròn, mặt bầu bĩnh, mắt xếch và híp, rất rõ là có nguồn gốc Mông Cổ. Mũi của họ ngắn và tẹt, môi dày, mép sâu và có quai hàm chắc khỏe.

Đây là nền văn minh Châu Mỹ đầu tiên có sự phân chia giai cấp và có sự phân công xã hội khá rõ rệt: chuyên chế tác, chuyên xây dựng, chuyên buôn bán...

Nền văn minh Olmec có một thiết chế chính trị khá hoàn chỉnh và đạt trình độ phát triển cao mà những nền văn minh sau đó phải ngưỡng vọng và học hỏi.

Người Olmec đã để lại một nền văn minh rực rỡ, chiếm lĩnh một địa bàn rộng lớn. Họ phát minh ra chữ viết, cách tính lịch và phép toán dùng số không, đây được xem là những đóng góp quan trọng đối với lịch sử văn minh nhân loại.

b) Thành tựu văn minh Olmec

- Kiến túc – điêu khắc: xuất hiện từ rất sớm và nhanh chóng đạt tới sự hoàn hảo về cả kỹ thuật lẫn mỹ thuật mà ở Trung Mỹ chưa ai có thể vượt qua. Họ tạc nên những đầu người khổng lồ, bàn thờ... Có tượng đầu người cao tới 3m.

- Tôn giáo: người Olmec đã sớm có những ý niệm về tôn giáo. Hình tượng con báo hình người nhận được sự sùng kính của người dân.

- Khoa học tự nhiên: người Olmec đã đạt được những thành tựu khá sớm về toán học và lịch pháp mà cho đến nay còn nhiều vấn đề cần được làm rõ để đánh giá những đóng góp của họ.

2. Teotihuacan – nền văn hóa đô thị (khoảng thế kỉ I – X)

Trên nền tảng của nền văn minh Olmec, khắp khu vực Trung Mỹ đã bắt đầu xuất hiện một loạt những nền văn hóa có quan hệ thân thuộc với nhau. Giai đoạn này kéo dài từ Công nguyên cho đến những năm 900. Tiêu biểu là nền văn hóa Teotihuacan ở Mexico.

Khu đô thị Teotihuacan có diện tích chừng 20 km vuông, dân số khoảng 50.000 người.

Xã hội Teotihuacan được hợp thành bởi các tầng lớp cư dân khác nhau và chia thành 3 cấp theo hình tháp. Xã hội đề chế giữ vai trò cao nhất – thương gia, chiến binh, tầng lớp.

Công trình kiến trúc nổi bật là Kim tự tháp Mặt Trời và Kim tự tháp Mặt Trăng.

Người Teotihuacan có một hệ thống tôn giáo khá phát triển và hoàn chỉnh. Tầng lớp tầng lớp có vị trí và uy tín rất lớn.

3. Nền văn minh của người Maya (khoảng thế kỉ III – XVI)

a) Hoàn cảnh lịch sử

Người Maya là một bộ tộc thổ dân châu Mỹ có mặt từ rất sớm ở bán đảo Yucatan của Trung Mỹ. Vào khoảng thế kỉ V TCN, người Maya đã đạt tới một nền văn minh phát triển cao, đến thế kỉ I sau CN các quốc gia cổ đại của người Maya được thành lập.

Thế chế chính trị của người Maya theo hình thức các vương quốc nhỏ với truyền thống cha truyền con nối. Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong nền văn minh Maya.

Nền kinh tế Maya chủ yếu dựa vào trồng trọt và chăn nuôi nên phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên như đất đai, nguồn nước và thời tiết. Họ trồng ngô, đậu, cà chua, bí đỏ, cacao và nuôi chó, gà, hươu, nai, chim, ong mật... Đặc biệt họ còn biết làm muối.

Văn minh Maya đạt trình độ cao không những lĩnh vực xây dựng nhà nước mà còn phát triển rực rỡ trong lĩnh vực kiến trúc, toán học, chữ viết, thiên văn và lịch pháp.

b) Thành tựu của nền văn minh Maya

- Tôn giáo: tin tưởng vào một chu kì tự nhiên của thời gian. Tin rằng vũ trụ có ba mặt phẳng chính: địa ngục, thiên đường và trần gian. Thần của người Maya là hợp nhất của tất cả các lực lượng sức mạnh siêu nhiên. Không phải lúc nào cũng “tốt” tuyệt đối hoặc “xấu” tuyệt đối. Tôn giáo Maya đặc biệt coi trọng thần mưa và thần gió.

- Chữ viết: xuất hiện khá muộn so với các quốc gia cổ đại khác. Hình thành trên cơ sở hệ thống chữ viết của người Olmec trước đó. Chữ viết của người Maya có hơn 1000 ký hiệu khác nhau. Hầu hết đều là tượng hình. Họ làm các loại giấy và sách từ vỏ cây hay từ thớ của cây xương rồng.

- Nghệ thuật: người Maya sáng tạo ra những tuyệt tác nghệ thuật độc đáo và hiếm có về kiến trúc và điêu khắc. Là những công trình được trang hoàng tỉ mỉ: đền, đài, tháp,

cung điện... Đỉnh cao nhất là Kim tự tháp.

- Toán học: Trong lĩnh vực toán học người Maya có những cống hiến rất quan trọng. Họ đã tìm ra chữ số 0 vào thế kỉ IV TCN.

- Thiên văn và lịch pháp: họ đã sáng tạo ra lịch vào khoảng thời gian từ năm 400 đến 200 TCN. Một năm có 365 ngày.

- Khoa học kĩ thuật: văn minh Maya đạt được nhiều thành tựu độc đáo trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Họ đã biết chế tạo và sử dụng thành thạo các công cụ cắt gọt từ đá núi lửa. Họ đã biết làm những đôi giày cao su, làm muối ...

4. Nền văn minh của người Aztec (khoảng thế kỉ XIII – XVI)

Văn minh Aztec được hình thành chủ yếu trên phần lãnh thổ Mexico ngày nay, gần như vào giai đoạn cuối của nền văn minh bản địa trước khi thực dân Tây Ban Nha đặt chân đến vùng đất này. Đây là một trong những nền văn minh phát triển rực rỡ nhất châu Mỹ. Người Aztec vốn là những hồ dân da đỏ thuộc bộ tộc Nahuatl.

Người Aztec sử dụng những chữ viết tượng hình và đặc biệt phát triển trong lĩnh vực y học.

Văn minh Aztec mang tính chất là một nền văn minh đô thị phát triển ở trình độ cao. Thủ đô của người Aztec là thành phố Tenochtitlan. Ngoài quy mô hoành tráng của thành phố, người Aztec còn xây dựng nhiều kim tự tháp đồ sộ, kim tự tháp cao nhất dành để thờ thần Tlaloc và Huitzilopochtli.

Người Aztec tôn thờ những vị thần quan trọng: thần Quetzalcoatl, thần Huitzilopochtli, thần Tlaloc, thần Mưa... Trong đó, thần Quetzalcoatl là vị thần quan trọng nhất.

Thần Huitzilopochtli – thần Chiến tranh và thần Mặt Trời được xem là vị thần quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của người Aztec và cả đế chế của họ.

II – NỀN VĂN MINH ANDES Ở NAM MỸ

1. Vương quốc của người Inca

Chủ nhân của nền văn minh Andes là người Inca – một trong những tộc người da đỏ ở Nam Mỹ. Inca cũng là danh hiệu của người thống trị vương quốc tồn tại từ khoảng thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.

Theo truyền thuyết, trị vì vương quốc Inca có 13 vị vua.

2. Thành tựu của nền văn minh Inca

- Sự phát triển các ngành kinh tế

Nông nghiệp là ngành sản xuất chủ yếu. Ngô và khoai tây là lương thực chính.

Người Inca đã xây dựng được một hệ thống ruộng bậc thang men theo ác sườn đồi, hệ thống thủy lợi với kênh mương dày đặc hàng ngàn dặm. Họ đã biết sử dụng phân chim làm phân bón.

Bên cạnh việc trồng trọt, người Inca đã biết chế biến và bảo quản thực phẩm như ướp lạnh thịt khô...

Thủ công nghiệp của người Inca rất phát triển. Đã khám phá và áp dụng kĩ thuật dệt đến mức độ cao. Chế tác được vàng, bạc, kim loại, đá quý.

Nghề dệt vải và thảm của người Inca đạt đến trình độ cao so với thời bấy giờ với

những hoa văn sắc sảo và chất liệu tân tiến.

Xây dựng được hệ thống cầu được rất lớn và độc đáo. Cầu treo dài 60m, đường dọc bờ biển dài 4.000 km... toàn bộ mạng lưới đường sá có chiều dài 40.000 km.

- Những thành tựu văn hóa

Người Inca tự sáng tạo ra hệ thống chữ viết của mình với 2 hệ thống chữ viết: *Văn tự thắt nút – Kipu và chữ tượng hình*.

Về khoa học và thiên văn học, người Inca đã đạt được sự hiểu biết đáng kể. Họ biết quan sát sự chuyển động của Mặt Trời, Mặt Trăng và các hành tinh khác trong vũ trụ để dự đoán thời tiết hoặc tiên đoán về số phận nhà vua, vụ mùa...

Người Inca có nhiều kiến thức trong Y khoa. Họ đã có thể mổ thành công trên đầu.

Về tôn giáo, người Inca đặc biệt tôn thờ thần Mặt Trời và dùng người để làm vật hiến tế thần khi vua lên ngôi.

Như vậy, nền văn minh cổ đại Andes trong thời kì Inca đã đạt đến trình độ phát triển khá cao. Xét về mặt thời gian, nền văn minh Andes tương đương với nền văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh sông Ấn. Nhưng từ sau năm 1533, đế quốc Inca bắt đầu suy yếu, người Tây Ban Nha đã biến xứ sở này thành thuộc địa và tàn phá nền văn minh của người dân bản địa.

CHƯƠNG VI – VĂN MINH HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

I – TỔNG QUAN VỀ HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

1. Địa lý dân cư và sơ lược về Hy Lạp cổ đại

Ngày xưa, các bộ lạc Hy Lạp gọi bộ lạc của mình bằng những tên riêng. Đến khoảng thế kỉ thứ VIII - VII TCN, người Hy Lạp mới gọi mình là Helen (Hellenes) và gọi đất nước mình là Hêla (Hellas) tức Hy Lạp.

Lãnh thổ của Hy Lạp cổ đại rộng hơn nước Hy Lạp ngày nay rất nhiều, bao gồm: miền Nam bán đảo Ban Căng, các đảo trên biển Êgiê và miền ven biển phía Tây Tiểu Á, trong đó quan trọng nhất là miền Nam bán đảo Ban Căng tức là vùng lục địa Hy Lạp.

Miền lục địa Hy Lạp về mặt địa hình chia làm 3 khu vực: Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ. Từ Bắc bộ xuống Trung bộ phải qua một cái đèo hẹp nằm gần sát bờ biển phía Đông gọi là đèo Técmôpin. Trung bộ tuy là vùng có nhiều dãy núi ngang dọc nhưng cũng có những đồng bằng trù phú như đồng bằng Áttích và đồng bằng Bêôxi. Đồng thời ở đây còn có nhiều thành phố quan trọng mà nổi tiếng nhất là Aten. Ranh giới giữa Trung bộ và Nam bộ là eo đất Coranh. Nam bộ là một bán đảo hình bàn tay 4 ngón gọi là bán đảo Pêlôpônêdơ. Ở đây có nhiều đồng bằng rộng và phì nhiêu, rất thuận lợi cho việc trồng trọt.

Vùng bờ biển phía Đông của bán đảo Ban Căng khúc khuỷu tạo nên nhiều vịnh và nhiều hải cảng, rất thuận lợi cho việc phát triển hàng hải. Các đảo trên bờ biển Êgiê trở thành những trạm nghỉ chân cho các thuyền đi lại từ Hy Lạp đến Tiểu Á và Bắc Phi, trong đó lớn nhất là đảo Crét ở phía Nam bán đảo. Trong khi đó, biển Êgiê lại như một cái hồ lớn êm ả sóng im gió nhẹ nên càng tạo điều kiện thuận lợi cho nghề đi biển trong điều kiện kĩ thuật chế tạo tàu thuyền còn thô sơ.

Còn Tiểu Á là một vùng giàu có và là chiếc cầu nối liền Hy Lạp với các nước phương Đông cổ đại có nền văn minh phát triển sớm.

Điều kiện địa lí đó đã giúp cho Hy Lạp cổ đại trở thành nước có nền công thương nghiệp phát triển, đồng thời có thể tiếp thu ảnh hưởng của nền văn minh cổ đại của phương

Đông.

b) Sơ lược lịch sử Hy Lạp cổ đại

Lịch sử Hy Lạp cổ đại có thể chia thành các thời kì sau đây: Thời kì văn hóa Crét – Myxen:

Văn hoá Crét và Myxen

Các nhà khảo cổ đã tìm thấy nền văn minh **Crét – Myxen** phát triển rực rỡ trên đảo (**Crét – Pêlôpônêđơ**)

Văn minh Crét tồn tại đầu thiên kỉ III tCN – thế kỉ XII tCN, chủ nhân của văn minh **Crét** là người **Akêăng**.

Thời kì huy hoàng nhất của văn minh Myxen là từ thế kỉ XVI – XII tCN.

Từ 1194 – 1184 tCN, **My xen** đã xâm chiếm thành Troia ở vùng Tiểu Á.

Đến thế kỉ XII tCN, thì bị người **Đônien** ở phía Bắc tràn xuống kết thúc thời kì **Crét- Myxen**.

Thời kì Hôme (XI – IX tCN)

T toàn bộ lịch sử giai đoạn này được phản ánh trong hai bộ sử thi của nhà thơ Hôme (**Iliat – Ôđixê**).

Nội dung: phản ánh cuộc chiến tranh giữa người **Hy Lạp** và người **Tơ roa**.

Thời kì các thành bang (VIII – IV tCN)

Thời kì quan trọng nhất trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, ở thời kì này Hy Lạp xuất hiện những nước nhỏ lấy thành bang làm trung tâm, gọi là thời kì các thành bang.

Quan trọng nhất là thành bang **Xpác – Aten**.

+ **Xpác** nằm ở phía nam bán đảo **Pelôpônêđơ**, đây là thành bang bảo thủ về chính trị, lạc hậu về kinh tế, nhưng rất mạnh về quân sự.

+ **Aten** ở miền trung Hy Lạp, vùng có nhiều khoáng sản, có hải cảng thuận lợi cho việc phát triển công thương.

Thế kỉ V tCN, Hy Lạp bị đế quốc Ba Tư xâm lược, mà trong lịch sử gọi là cuộc chiến tranh **Hy – Ba**. Hy Lạp giành được thắng lợi và bước vào thời kì phát triển chế độ chiếm nô, từ đó trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của phương Tây.

Thời kì Makêđônia

Nước **Ma-kê-đô-nia** ở phía bắc bán đảo Ban kăng mạnh lên, và đưa quân vào Hy Lạp, Hy Lạp phải thuần phục.

Năm 168 tCN, **Ma-kê-đô-nia** bị La Mã tấn công tiêu diệt.

Năm 149TCN - 146 tCN, Hy Lạp bị sát nhập vào đế quốc La Mã.

Các quốc gia do người **Makêđônia** lập lên ở phương đông đã bị người La Mã thôn tính. Các quốc gia này đến thời cận đại được gọi chung là những nước bị **Hy Lạp** hóa.

c) Sự thành lập đế quốc La Mã

Khi mới thành lập, La Mã chỉ là một thành bang nhỏ ở miền Trung bán đảo Ý. Từ

thế kỉ IV TCN, La Mã không ngừng xâm lược ra bên ngoài, và hơn một thế kỉ sau, La Mã đã chinh phục được toàn bộ bán đảo Ý.

Tiếp đó La Mã muốn phát triển thế lực sang phía Tây Địa Trung Hải, nhưng ở đây La Mã đã gặp phải một đối thủ hùng mạnh, đó là Cáctagior.

Cáctagior là một đế quốc rộng lớn bao gồm vùng bờ biển Bắc Phi, miền Đông Tây Ban Nha, miền Nam xứ Gôlơ, bán đảo Xácđenhơ, đảo Coócxơ (ở gần Tuyrít, thủ đô nước Tuynidi ngày nay).

Do mâu thuẫn với nhau trong mưu đồ bành chướng thế lực mà đầu tiên là cuộc đụng độ ở đảo Xixin, từ năm 264 - 146 TCN, trong vòng gần 120 năm, giữa La Mã và Cáctagior đã xảy ra ba lần chiến tranh rất ác liệt, người La Mã gọi là cuộc chiến tranh Punich. Kết quả, đến năm 146 TCN, La Mã đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Toàn bộ đất đai của Cáctagior trở thành lãnh thổ của La Mã.

Trong quá trình ấy, để giành quyền bá chủ ở khu vực phía Đông Địa Trung Hải, La Mã đã nhiều lần tấn công Makêđônia, Xiri. Kết quả, đến giữa thế kỉ II TCN, Makêđônia bị biến thành một tỉnh của La Mã. Sang thế kỉ I TCN, cả vùng đất đai ở bờ Đông Địa Trung Hải cũng bị La Mã chiếm. Cuối cùng, đến năm 30 TCN, Ai Cập cũng bị nhập vào bản đồ La Mã. Thế là La Mã đã trở thành đế quốc rộng mênh mông, Địa Trung Hải thành một cái hồ nằm gọn trong lãnh thổ của đế quốc.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

1. Văn học

a) Thần thoại: Người Hy Lạp có cả một kho tàng về sự tích các thần, của con người và vũ trụ, sau đó được người La Mã kế thừa sâu sắc. Đó chính là một các giải thích độc đáo về thế giới và con người.

Thần thoại Hy – La sắp xếp theo một trật tự hợp lý từ cao xuống thấp: cao nhất là thần Dớt, các thần có quan hệ ruột thịt với Dớt: vợ(Hê ra), con gái (Ác tê mít: thần săn bắn, Athen na: thần thông thái, An phrôdid: thần sắc đẹp), con trai(Héc quyn, Apôlông), Em trai(Nep tuyen, Ha ldet/thần địa ngục), Em gái(Êmêtê/thần đất).

Thế giới các thần không khác gì thế giới của con người: ở trên núi Ôlimpơ cao ngất, quan năm rực rỡ nắng vàng với những cỗ xe mây trắng lao như bay suốt ngày đêm từ trên núi xuống chở các thần chu du thiên hạ, các thần cũng yêu cũng ghét cũng giận hờn, cũng đánh nhau.

Thần thoại Hy- La được hư cấu cao độ trên cơ sở các yếu tố hiện thực(Eo Bôxpho, quần đảo Iônia, dải Ngân hà, cây nguyệt quế), trong đó các yếu tố tôn giáo, khoa học, nghệ thuật quện chặt vào nhau . Chính vì vậy đã trở thành nguồn chất liệu sinh động và nguồn cảm hứng vô tận cho các loại hình nghệ thuật...

Thần thoại Hy- La vừa có yếu tố dân gian vừa có yếu tố bác học, phản ánh đậm nét xã hội chiếm nô điển hình.

b) Thơ ca

Trường ca : Iliát (15863) và Ôđixê(12440) của nhà thơ mù Hôme mở đầu cho nền thi ca cổ đại, là người đầu tiên đưa nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lên đến đỉnh cao hoàn thiện, trở thành kiểu mẫu không thể bắt chước được.

Iliat là trường ca về dũng tướng I li ông, về khát khao chiến thắng của các dũng sĩ thành Tơ roa, với nhiều chi tiết hấp dẫn: con ngựa thành Tơ roa, gót chân Asin, cuộc quyết chiến của Héc to và A sin...

Ô đi xê là trường ca về các tráng sĩ sau khi thắng trận trở về, nhưng lại bị phiêu dạt lưu lạc đến 10 năm, trong thời gian đó họ trải qua không biết bao nhiêu tai ương, đương đầu với vô vàn gian khổ, khi trở về thật hạnh phúc vì những người vợ thân yêu vẫn chung thủy đợi chờ. Chuyện thơ có nhiều chi tiết thú vị trong không gian Hy Lạp hóa: đảo người một mắt, người lùn, khổng lồ, mù phù thủy, nàng Pê nê lớp chờ chồng ...

c) Kịch:

Người Hy Lạp thích vũ hội hóa trang, hát múa nên thể loại kịch rất phát triển, với các loại Bi, hài kịch và các nhà soạn kịch tiêu biểu: Êt sin, Sô phốc... cùng hàng trăm vở kịch có giá trị hiện thực và nghệ thuật cao cho đến nay vẫn được diễn trên các sân khấu ở nhiều nước châu Âu: Prô tê mê bị xiềng, Ê đíp làm vua, Chiến tranh Hy- Ba...

Truyện ngụ ngôn cũng rất đặc sắc: Con cáo và chùm nho....

2. Sử học

a) Sử học Hy Lạp

Trước kia người ta biết được lịch sử xa xưa của Hy Lạp chủ yếu nhờ truyền thuyết và sử thi. Đến thế kỉ V TCN, Hy Lạp mới chính thức có lịch sử thành văn.

Những nhà sử học nổi tiếng của Hy Lạp là Hêrôđôt, Tuxidít, Xê nôphôn. **Hêrôđôt** (484 - 425 TCN) là nhà sử học đầu tiên của Hy Lạp, là người được gọi là "người cha của nền sử học phương Tây"

b) Sử học La Mã

Từ khoảng giữa thế kỉ V TCN, ở La Mã đã có những tài liệu tương tự như lịch sử biên niên gọi là **Niên đại kí** (Annales), nhưng nền sử học thật sự của La Mã đến cuối thế kỉ III TCN mới xuất hiện, và người được coi là nhà sử học đầu tiên của La Mã cũng là nhà soạn kịch **Noviút**. Ông đã tham gia cuộc chiến tranh Puních lần thứ nhất, nhờ đó ông đã viết tập sử thi **Cuộc chiến tranh Puních**, nhưng tác phẩm này chỉ còn một số đoạn mà thôi.

Người đầu tiên viết lịch sử La Mã bằng văn xuôi là **Phabiút** (sinh năm 254 TCN). Ông viết lịch sử La Mã từ thời thần thoại cho đến thời kì của ông.

Người đầu tiên dùng văn xuôi Latinh để viết sử là **Catông** (234 - 149 TCN). Tác phẩm của ông nhan đề là **Nguồn gốc**, gồm 7 chương, trong đó 3 chương đầu ghi chép các truyền thuyết của Hy Lạp và các địa phương khác nói về La Mã

Từ Catông về sau, La Mã có nhiều nhà sử học xuất sắc, Pôlibiút, Titút Liviút, Taxitút, Plutác.

3. Nghệ thuật

a) *Hội họa*: những bức tranh cổ Hy- La chủ yếu là bích họa, hay những hình ảnh trang trí trên đồ gốm về những sinh hoạt trong cuộc sống đời thường hoặc về các nhân vật nổi tiếng.

b) *Kiến trúc* và điêu khắc thường kết hợp với nhau và thấm đẫm chất thần thoại. Kiến trúc Hy Lạp chủ yếu là các đền thờ với trình độ kỹ thuật cao, thể hiện sức mạnh, sự phồn vinh của xã hội, tỷ lệ cân đối, mềm mại, trang nhã với những hàng cột tròn khía hình múi khế, trên đầu cột có trang trí diềm mũ. Kiến trúc La Mã tiếp thu của Hy Lạp có sự sáng tạo hơn với vòm cuốn bán nguyệt, kết cấu hoàn hảo, và vẫn giữ được vẻ đồ sộ, tráng lệ. Kiến trúc La Mã đậm chất thế tục hơn với những công trình công cộng vĩ đại: sân vận động, đấu trường, chung cư, nhà tắm công cộng...

c) *Điêu khắc* Hy Lạp - La Mã được sáng tạo theo nguyên tắc: "Thiên nhân đồng hình", tập trung mô tả vẻ đẹp cả thần linh và con người với những chuẩn mực khó có thể bắt chước được. Điêu khắc Hy Lạp có thể mạnh ở những bức tượng toàn thân: Thần Vệ nữ, người ném đĩa, lực sĩ vác giáo... Điêu khắc La Mã lại có thể mạnh về tượng bán thân đặc tả chân dung, tính cách rất đặc sắc: tượng Xê da, Augusta...

4. Khoa học tự nhiên

Về khoa học tự nhiên, Hy Lạp cổ đại có những cống hiến quan trọng về các mặt Toán học, Thiên văn học, Vật lý học, Y học v.v... Những thành tựu ấy gắn liền với tên tuổi nhiều nhà khoa học nổi tiếng như Talét, Pitago, Ôclít, Ácsimét, Arixtác, Êratôxten...

a) **Talét (Thales, thế kỷ VII - VI TCN)** quê ở Milô, một thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á. Ông đã du lịch nhiều nơi, do đó đã tiếp thu được các thành tựu của Babilon và Ai Cập. Phát minh quan trọng nhất của Talét là tỉ lệ thức. Dựa vào công thức ấy ông đã tính được chiều cao của Kim tự tháp bằng cách đo bóng của nó.

Talét còn là một nhà thiên văn học. Ông đã tính trước được ngày nhật thực, năm 585 TCN, ông tuyên bố với mọi người đến ngày 28-5-558 sẽ có nhật thực, quả nhiên đúng như vậy. Tuy nhiên, ông đã nhận thức sai về trái đất vì ông cho rằng trái đất nổi trên nước, vòm trời hình bán cầu úp trên mặt đất.

b) Pitago (Pythagoras, khoảng 580 - 500 TCN) quê ở đảo *Xamôt trên biển Êgiê*, ông cũng đã đi du lịch ở nhiều nước phương Đông, đã tiếp thu được nhiều thành tựu Toán học của những nước này. Trên cơ sở đó ông đã phát triển thành định lý mang tên ông về quan hệ giữa ba cạnh của tam giác vuông. Ông còn phân biệt các loại số chẵn, số lẻ và số không chia hết.

Về thiên văn học, Pitago tiến bộ hơn Talét. Ông đã nhận thức được quả đất hình cầu và chuyển động theo quỹ đạo nhất định.

c) **Ôclít (Euclid, khoảng 330 - 275 TCN)** là người đứng đầu các nhà Toán học ở Alêchxăngđrô. Trên cơ sở tổng kết các thành tựu nghiên cứu của người trước, ông soạn thành sách *Toán học sơ đẳng*, đó là cơ sở của môn Hình học, trong đó chứa đựng định đề Ôclít nổi tiếng.

d) **Ácsimét (Archimede, 287 - 212 TCN)** quê ở Xiraquyđơ, một thành bang Hy Lạp ở đảo Xirin. Về Toán học, ông đã tính được số pi bằng một trị số nằm giữa hai số 3— và 3—. Đó là số pi chính xác sớm nhất trong lịch sử phương Tây. Ông còn tìm được cách tính thể tích và diện tích toàn phần của nhiều hình khối.

Về vật lý học, phát minh quan trọng nhất của Ácsimét là về mặt lực học, trong đó

đặc biệt nhất là nguyên lí đòn bẩy. Ngoài ra, ông còn có nhiều phát minh khác như đường xoắn ốc, ròng rọc, bánh xe răng cưa...

Ông cũng đã phát minh ra một nguyên lí quan trọng về thủy lực học. Đó là tất cả mọi vật thả xuống nước đều phải chịu một lực đẩy từ dưới lên trên bằng trọng lượng nước phải chuyển đi.

Dựa vào các phát minh trên, Acsimét đã chế ra máy ném đá để đánh quân La Mã, máy phóng gỗ để bắn thuyền quân địch. Ông còn biết sử dụng gương 6 mặt để đốt thuyền địch. Hệ thống đòn bẩy được sử dụng để hạ thủy những chiếc thuyền lớn ba tầng. Acsimét còn phát minh ra máy bơm nước để hút nước ra khỏi thuyền khi thuyền bị thủng.

e) **Arixtác (Aristarque, 310 - 230 TCN)** quê ở đảo Xamôt. Ông là người đầu tiên nêu ra thuyết hệ thống mặt trời. Ông đã tính toán khá chính xác thể tích của mặt trời, quả đất, mặt trăng và khoảng cách giữa các thiên thể ấy.

Ý kiến quan trọng nhất của ông là không phải mặt trời quay xung quanh trái đất mà là trái đất tự quay xung quanh trục của nó và quay xung quanh mặt trời. Nhưng bấy giờ ý kiến của ông không những không được công nhận mà còn bị buộc tội là đã quấy rầy sự nghỉ ngơi của các thiên thần.

Eratôxten (Eratosthene, 284 - 192) quê ở Xiren, thành bang thuộc địa của Hy Lạp ở phía Tây Ai Cập, châu Phi. Ông là một nhà khoa học giỏi về nhiều lĩnh vực: Thiên văn học, Toán học, Vật lí học, Địa lí học, Ngôn ngữ học, Sử học. Ông phụ trách thư viện Alécxăngđrô. Thành tích khoa học nổi bật của ông là ông đã tính được độ dài của vòng kinh tuyến trái đất là 39.700 km, và tính được góc tạo nên bởi hoàng đạo và xích đạo.

Đến thời La Mã, về các lĩnh vực này tuy không phát triển bằng Hy Lạp nhưng cũng có những thành tựu quan trọng và một số nhà khoa học tiêu biểu.

Nhà khoa học nổi tiếng nhất của La Mã là **Pliniút (Plinius, 23 - 79)**. Tác phẩm đầu tiên của ông là **Lịch sử tự nhiên** gồm 37 chương. Đó là bản tập hợp các tri thức của các ngành khoa học như Thiên văn học, Vật lí học, Địa lí học, Nhân loại học, Động vật học, Thực vật học, Nông học, Y học, Luyện kim học, Hội họa, Điêu khắc... thời bấy giờ. Do vậy, đây là một tác phẩm tương tự như bộ Bách khoa toàn thư của La Mã cổ đại.

Năm 79, núi lửa Vêduyơ lại hoạt động. Ông đến gần để nghiên cứu hiện tượng phun lửa và bị phun thạch thiêu chết.

Clót Ptôlêmê (Claude Ptôlémée), là một nhà Thiên văn học, Toán học, Địa lí học người Hy Lạp sinh trưởng ở Ai Cập, sống vào thế kỉ II. Trên cơ sở đúc kết các kiến thức về thiên văn học của Ai Cập, Babilon và Hy Lạp, ông đã soạn bộ sách **Tổng hợp - Kết cấu toán học (Composition mathématique)**, trong đó, ông cũng cho rằng quả đất hình cầu, nhưng so với Pitago và Acsimét thì quan điểm của ông thụt lùi một bước vì ông cho rằng quả đất là trung tâm của vũ trụ. Quan điểm này của Ptôlêmê đã chi phối nền thiên văn học châu Âu trong suốt 14 thế kỉ, mãi đến thời Phục hưng, thuyết này mới bị thuyết hệ thống mặt trời của Cốpécnic đánh đổ.

Ptôlêmê còn soạn sách **Địa lí học (Géographie)** gồm 8 chương. Trong sách này Ptôlêmê đã vẽ một bản đồ thế giới: Vùng Bắc cực là Xcăngđinavi, vùng Nam cực là lưu vực sông Nin, phía Tây là Tây Ban Nha, phía Đông là Trung Quốc, thời bấy giờ bản đồ này được xem là rất chính xác.

Về y học, người được suy tôn là thủy tổ của y học phương Tây là **Hipôcrát (Hippocrate, 469 - 377 TCN)**, một thầy thuốc Hy Lạp quê ở đảo Côt trên biển Êgiê. Ông đã giải phóng y học ra khỏi mê tín dị đoan, cho rằng bệnh tật do ngoại cảnh gây nên, vì vậy

phải dùng các biện pháp như cho uống thuốc hoặc mổ xẻ để chữa trị. Ông nói: "Thuốc không chữa được thì dùng sắt mà chữa, sắt không chữa được thì dùng lửa mà chữa, lửa không chữa được thì không thể nào chữa được nữa".

Thời Hy Lạp hóa, vua Philađenphơ (309 - 246 TCN) thuộc vương triều Plôtêmê ở Ai Cập là một người hay đau ốm, muốn tìm thuốc trường sinh bất lão nên đã tích cực thi hành chính sách khuyến khích sự phát triển của y học. Ông không những đã giúp đỡ các thầy thuốc về vật chất mà còn cho phép mổ tử thi của phạm nhân để nghiên cứu, do đó y học đã có những thành tựu mới. Đầu thế kỉ III TCN, nhà giải phẫu học Hêcrôpin (Hécropile) đã chứng minh rằng não là khí quan tư duy, cảm giác do hệ thần kinh truyền đạt, xem mạch mạnh yếu nhanh chậm có thể biết được tình hình sức khỏe. Nhà phẫu thuật Hêraclit (Hêraclide) ở thành Tarentum (Ý) đã biết dùng thuốc mê khi mổ bệnh nhân. Phát minh này sau đó bị bỏ quên đến mãi năm 1860 mới được áp dụng lại.

Đến thời La Mã, đại biểu xuất sắc nhất về y học là Claodiút Galênút (131 - đầu thế kỉ III) quê ở Pécgam (Tiểu Á), trên cơ sở tiếp thu các thành tựu y học trước đó, nhất là của Hipôcrát, ông đã viết nhiều tác phẩm để lại tới sau này, trong đó có một số đến thời trung đại được dịch thành tiếng Ảrập, Do thái, Latinh. Điều đó chứng tỏ các tác phẩm của ông đến thời trung đại vẫn có uy tín rất lớn, ví dụ sách *Phương pháp chữa bệnh* được dùng làm sách giáo khoa trong thời gian dài.

Tóm lại, cách đây trên dưới 2.000 năm, nền khoa học của Hy Lạp, La Mã cổ đại đã có những thành tựu rất lớn. Những thành tựu ấy đã đặt cơ sở cho sự phát triển huy hoàng của nền khoa học thời cận hiện đại; đồng thời là một tiền đề quan trọng của sự phát triển của nền triết học Hy-La.

5. Triết học

a) Triết học duy vật

Nếu Ấn Độ là quê hương của triết học phương Đông, thì Hy Lạp – La Mã là quê hương của triết học phương Tây.

Hy Lạp và La Mã cổ đại đã có rất nhiều nhà triết học nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho nền triết học của nhân loại.

+ **Talét** là nhà triết học duy vật đầu tiên của Hy Lạp cổ đại, Ông vừa là nhà toán học xuất sắc. (*định lí Talét*). Ông cho rằng **nước** là yếu tố cơ bản đầu tiên của vũ trụ.

+ **Anaximăngđrơ (611-547)**, ông là nhà triết học duy vật, Ông cho rằng nguồn gốc của vũ trụ là vô cực (chia thành hai mặt đối lập: **khô-ướt; nóng - lạnh** và từ sự kết hợp đó mà sinh ra mọi vật; **nước, lửa...**)

+ **Anaximen (585-525)**, Ông cho rằng nguồn gốc vũ trụ là **không khí** (vạn vật bắt đầu từ không khí và trở về với không khí) (triết học biện chứng)

+ **Hêraclít (540 – 480)**, Ông là nhà triết học duy vật lớn nhất của Hy Lạp cổ đại. Ông cho rằng nguồn gốc của vũ trụ bắt nguồn từ **lửa**.

Đặc biệt là Ông cho rằng mọi sự vật trong tự nhiên, trong xã hội luôn luôn vận động và biến đổi, sự đấu tranh và chuyển hóa giữa hai mặt đối lập. Đây là quan điểm biện chứng đúng đắn và rất tiến bộ.

+ **Empêđôlơ (490 -430)**, Ông cho rằng nguồn gốc vũ trụ không phải là một yếu tố mà là do 4 yếu tố vật chất tạo thành: **đất, nước, lửa và không khí**.